

Số: 13 /2021/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không
được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 279/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm và cơ sở nuôi chim yến) đang hoạt động chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ sở chăn nuôi được hưởng mức hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này phải có kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 Luật Chăn nuôi và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi có quy mô như sau:

- Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi;
- Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi;
- Chăn nuôi nông hộ: Dưới 10 đơn vị vật nuôi.

Số đầu con trên một đơn vị vật nuôi, hệ số đơn vị vật nuôi và công thức chuyển đổi đơn vị vật nuôi thông qua hệ số đơn vị vật nuôi áp dụng theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

c) Hỗ trợ được thực hiện đối với cơ sở chăn nuôi chấm dứt hoạt động chăn nuôi hoặc hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm phù hợp có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết này chỉ được hưởng hỗ trợ một lần cho từng nội dung hỗ trợ.

b) Việc hỗ trợ được thực hiện nhưng phải đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không được hỗ trợ.

d) Ngoài các nội dung chính sách nêu trong Nghị quyết này, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ chuồng, trại phải tháo dỡ khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi

a) Đối với cơ sở chăn nuôi mà chuồng trại tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn, ngôi mức hỗ trợ là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)/m² chuồng trại tại thời điểm chấm dứt hoạt động, nhưng không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/cơ sở.

b) Đối với các cơ sở chăn nuôi còn lại, mức hỗ trợ là 120.000 đồng (Một trăm hai mươi ngàn đồng)/m² chuồng trại tại thời điểm chấm dứt hoạt động, nhưng không quá 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)/cơ sở.

2. Hỗ trợ di chuyển chuồng trại, vật nuôi đến địa điểm phù hợp khi di dời cơ sở chăn nuôi

a) Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/cơ sở.

b) Đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)/cơ sở.

3. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi

Đối với các cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở đến khu vực được phép chăn nuôi thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng. Mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/01tháng/lao động theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ do Ủy ban nhân dân thành phố công bố. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:

a) Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở.

b) Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 03 lao động/cơ sở.

c) Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 04 lao động/cơ sở.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi

Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, được hưởng mức hỗ trợ gồm:

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Chủ cơ sở, người lao động làm việc trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này có nhu cầu đào tạo.

b) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi phí học nghề: 6.000.000 đồng/người/khóa học đối với người khuyết tật và 2.000.000 đồng/người/khóa học đối với lao động nông thôn.

Hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

Hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người tham gia học nghề ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Người lao động có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, đăng ký với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp hoặc Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận, huyện nơi có hộ khẩu thường trú để đăng ký học nghề. Chính sách hỗ trợ nêu trên được thực hiện thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tổ chức đào tạo theo quy định (không trả trực tiếp cho người lao động).

Điều 4. Thời gian và nguồn kinh hỗ trợ

1. Thời gian hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ di dời đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ hoặc viện dẫn tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT-TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiểu